

Bản án số: 124/2026/DS-PT
Ngày 09/3/2026
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Triều

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Linh

Ông Đoàn Văn Thâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 526/2025/TLPT-DS ngày 03/12/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2025/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực B – An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2026/QĐXX-PT, ngày 14/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Phương A, sinh năm 1984. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 321/5 phường C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Hồng H, sinh năm 1969. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp K, xã G, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Minh T – VPLS H thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. Có mặt

- Bị đơn: Bà Dương Thị T, sinh năm 1976. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 604, tổ 4, ấp N, xã K, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Huỳnh Tài Đ – VPLS T thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Thanh D, sinh năm 1975. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 52/10 phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Dương Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa của nguyên đơn bà Vũ Phương A, người đại diện của nguyên đơn bà Giang Thị Lệ H1 và ông Mai Hồng H trình bày:

Ngày 24/5/2024 bà A có cho bà Dương Thị T vay số tiền 500.000.000 đồng, có làm giấy biên nhận và đến ngày 24/8/2024 bà A tiếp tục cho bà T vay thêm số tiền 50.000.000 đồng (bà A chuyển khoản), hai bên có thỏa thuận lãi là 7%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, có làm “Giấy xác nhận mượn tiền đề ngày 24/12/2024”, các bên có ký, ghi họ tên. Khi vay bà T có đưa cho bà A giữ các giấy tờ sau: Biên bản họp gia đình; Giấy phép xây dựng và Đơn xin phép cất nhà. Tại biên bản hòa giải ngày 29/8/2025 người đại diện cho bà A là bà Giang Thị Lệ H1 khai trong quá trình vay bà T có trả tiền lãi cho bà A được số tiền 284.000.000 đồng. Đến tại phiên tòa ngày 24/9/2025 người đại diện cho bà A là ông Mai Hồng H khai bà A có nhận tiền lãi do bà T đóng số tiền 240.000.000 đồng.

Tại tờ tường trình ngày 25/9/2025 bà Vũ Phương A xác nhận có nhận tiền lãi của bà Dương Thị T bằng hình thức chuyển khoản như sau: Ngày 25/6/2024 với số tiền 17.500.000 đồng; Ngày 09/7/2024 với số tiền 17.500.000 đồng; Ngày 25/7/2024 với số tiền 17.500.000 đồng; Ngày 08/8/2024 với số tiền 17.500.000 đồng; Ngày 25/9/2024 với số tiền 38.500.000 đồng; Ngày 06/11/2024 với số tiền 38.500.000 đồng; Ngày 13/12/2024 với số tiền 10.000.000 đồng và ngày 03/4/2025 với số tiền 15.000.000 đồng. Tổng cộng là 172.000.000 đồng. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà A xác nhận bà A có nhận tiền lãi của bà T bằng hình thức chuyển khoản với số tiền 172.000.000 đồng

Nay bà A yêu cầu bà Dương Thị T trả nợ gốc số tiền 550.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày cho vay đến ngày xét xử theo quy định pháp luật.

Theo bản tự khai và các lời khai tại Tòa của bị đơn bà Dương Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận có vay tiền của bà Vũ Phương A 02 lần vào ngày 24/5/2024 số tiền 500.000.000 đồng, có làm giấy biên nhận bà A đang giữ và đến ngày 24/8/2024 bà T tiếp tục vay thêm số tiền 50.000.000 đồng (bà A

chuyển khoản cho bà T), hai bên có thỏa thuận lãi là 7%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, có làm “Giấy xác nhận mượn tiền đề ngày 24/12/2024”, các bên có ký, ghi họ tên. Bà T xác nhận khi vay có giao cho bà A một số giấy tờ để làm tin gồm: Biên bản họp gia đình; Giấy phép xây dựng và Đơn xin phép cất nhà. Từ khi vay đến nay bà T đã đóng lãi cho bà A được số tiền lãi là 284.000.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện của bà A khai thay đổi về tiền lãi đã nhận số tiền 240.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

Nay bà T thừa nhận còn nợ của bà A gốc số tiền 550.000.000 đồng nhưng bà T không có khả năng thanh toán một lần cho bà A, bà T xin được trả chậm và yêu cầu xem xét tiền lãi 284.000.000 đồng đã đóng cho bà A. Bà T yêu cầu bà A trả lại các giấy tờ nêu trên đã giao cho bà A giữ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 167/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực B - An Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Phương A.

Buộc bà Dương Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ vay gốc số tiền 523.694.442 đồng (năm trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi hai đồng) cho bà Vũ Phương A.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật bà Vũ Phương A phải có nghĩa vụ giao trả các giấy tờ sau: Biên bản họp gia đình; Giấy phép xây dựng và Đơn xin phép cất nhà cho bà Dương Thị T.

Kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm của tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24 tháng 10 năm 2025, bị đơn bà Dương Thị T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Sửa Bản án sơ thẩm số 167/2025/DSST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực B – An Giang, xem xét lại số tiền bà T đã đóng cho bà A.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị HĐXX phúc thẩm bác đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận số tiền lãi bà

T đã đóng là 284.000.000 đồng đã được đại diện nguyên đơn là bà H1 thừa nhận tại phiên hòa giải ở cấp sơ thẩm để cân trừ vào số nợ gốc bị đơn còn thiếu của nguyên đơn.

Đại diện VKSND tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm số 167/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực B – An Giang theo hướng buộc bà T phải trả cho bà A số tiền nợ gốc và lãi là 455.694.442 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện nguyên đơn ông Mai Hồng H, bị đơn bà Dương Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh D vắng mặt và đều có đơn xin vắng mặt. Do đó HĐXX căn cứ Điều 296 BLTTDS, xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung: Ngày 24/5/2024 bà Vũ Phương A có cho bà Dương Thị T vay số tiền 500.000.000 đồng, có làm biên nhận, đến ngày 24/8/2024 bà A tiếp tục cho bà T vay thêm số tiền 50.000.000 đồng (bà A chuyển khoản), lãi suất thỏa thuận là 7%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, có làm “Giấy xác nhận mượn tiền đề ngày 24/12/2024”, các bên có ký, ghi họ tên. Bị đơn bà T thừa nhận có vay của bà T 02 lần với tổng số tiền nêu trên và đồng ý trả nợ cho bà A. Cấp sơ thẩm xét xử buộc bà T trả cho bà A tổng số tiền 523.694.442 đồng (năm trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi hai đồng), bà T không đồng ý việc tính lãi nên kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của bà Dương Thị T yêu cầu xem xét lại tiền lãi bà T đã trả cho bà A, HĐXX nhận thấy:

Tại biên bản hòa giải ngày 29/8/2025 người đại diện cho bà A là bà Giang Thị Lệ H1 khai trong quá trình vay bà T có trả tiền lãi cho bà A được số tiền 284.000.000 đồng được bà T thống nhất nhưng do hai bên không thống nhất được thời gian trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa

ngày 24/9/2025 người đại diện cho bà A là ông Mai Hồng H khai bà A có nhận tiền lãi do bà T trả số tiền 240.000.000 đồng nhưng không được bà T đồng ý. Tại tờ tường trình ngày 25/9/2025 bà A xác nhận có nhận tiền lãi của bà T bằng hình thức chuyển khoản tổng cộng là 172.000.000 đồng. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà A xác nhận bà A có nhận tiền lãi của bà T bằng hình thức chuyển khoản với số tiền 172.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận tường trình của nguyên đơn và xác nhận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, xác định nguyên đơn nhận tiền lãi của bà T số tiền 172.000.000 đồng là xem xét chưa thỏa đáng, chưa toàn diện, bởi lẽ tại phiên tòa ngày 24/9/2025 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Mai Hồng H khai bà A có nhận lãi số tiền 240.000.000 đồng từ bà T nhưng không có tài liệu gì để chứng minh, còn số tiền đại diện nguyên đơn thừa nhận 172.000.000 đồng theo các chứng từ sao kê từ Ngân hàng chỉ là tiền chuyển khoản chưa tính tiền mặt bà T đã trả, còn việc số tiền lãi bà T trả cho bà A 284.000.000 đồng được hai bên thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 29/8/2025. Như vậy, kháng cáo của bị đơn yêu cầu xem xét số tiền lãi bị đơn đã trả là 284.000.000 đồng như đại diện theo ủy quyền ban đầu của bà A là bà H1 thừa nhận là có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

Về số tiền lãi do nguyên đơn yêu cầu tính theo quy định pháp luật, do đó tiền lãi được tính như sau:

Lãi suất tính từ ngày 24/5/2024 (là ngày cho vay) đến ngày 29/9/2025 (là ngày xét xử) là 16 tháng 05 ngày trên số nợ gốc 500.000.000 đồng $[(16 \text{ tháng} \times (20\% : 12 \text{ tháng}) \times 500.000.000 \text{ đồng}) = 133.333.333 \text{ đồng}] + [(05 \text{ ngày} \times ((20\% : 12 \text{ tháng}) : 30 \text{ ngày}) \times 500.000.000 \text{ đồng}) = 1.388.888 \text{ đồng}] = 134.722.221 \text{ đồng}.$

Lãi suất tính từ ngày 24/8/2024 (là ngày cho vay) đến ngày 26/9/2025 (là ngày xét xử) là 13 tháng 05 ngày trên số nợ gốc là 50.000.000 đồng $[(13 \text{ tháng} \times (20\% : 12 \text{ tháng}) \times 50.000.000 \text{ đồng}) = 10.833.333 \text{ đồng}] + [(05 \text{ ngày} \times ((20\% : 12 \text{ tháng}) : 30 \text{ ngày}) \times 50.000.000 \text{ đồng}) = 138.888 \text{ đồng}] = 10.972.221 \text{ đồng}.$

Như vậy, bà T phải trả tiền lãi cho bà A số tiền 145.694.442 đồng nên được căn trừ vào số tiền lãi bà T đã trả lãi cho bà A được số tiền 284.000.000 đồng, số tiền lãi bà T trả dư cho bà A là 138.305.558 đồng (284.000.000 đồng – 145.694.442 đồng) được căn trừ vào nợ gốc nên bà T còn nợ tiền gốc bà A là 411.694.442 đồng (550.000.000 đồng – 138.305.558 đồng).

[4] Trên cơ sở các phân tích nêu trên, sau khi thảo luận nghị án, HĐXX thống nhất chấp nhận một phần ý kiến đề nghị của đại diện Viện

kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 167/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực B - An Giang.

[5] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà A khởi kiện được chấp nhận nên không phải nộp án phí, hoàn trả cho bà A số tiền tạm ứng án phí 17.890.000 đồng (mười bảy triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0015759 ngày 20/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực B – An Giang).

Bà T phải nộp án phí có giá ngạch của số tiền 411.694.442 đồng phải trả cho nguyên đơn là: $20.000.000đ + (11.694.442 \text{ đồng} \times 4\%) = 20.467.777 \text{ đồng}$.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà T kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0006106 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị T.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 167/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực B - An Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Phương A.

Buộc bà Dương Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ vay gốc số tiền 411.694.442 đồng (Bốn trăm mười một triệu, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi hai đồng) cho bà Vũ Phương A.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật bà Vũ Phương A phải có nghĩa vụ giao trả các giấy tờ sau: Biên bản họp gia đình; Giấy phép xây dựng và Đơn xin phép cất nhà cho bà Dương Thị T.

Kể từ ngày nguyên đơn có yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2

Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho bà A số tiền tạm ứng án phí 17.890.000 đồng (mười bảy triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0015759 ngày 20/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực B – An Giang).

Bà T phải nộp án phí có giá ngạch của số tiền 20.467.777 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006106 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực B - AG;
- THADS khu vực B - AG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Triều